

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19-5-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con và
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- T ký phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn là T ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phù Minh T, sinh năm 2001 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2020 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, chị Phù Minh T trình bày: Vào ngày 20 tháng 9 năm

2018 chị và anh Lê Văn B kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21 tháng 02 năm 2020. Trong quá trình chung sống thì giữa chị và anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh B không tin tưởng chị và sống vô tâm nên chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Vì cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với anh B nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B. Về con chung, có một người tên là Phù Trà M (giới tính nữ), sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, có 08 chỉ vàng 24kara, hiện đã cho bà Lê Thị T là mẹ chồng mượn 04 chỉ vàng 24kara, 04 chỉ vàng 24kara còn lại chị đang giữ. Khi ly hôn chị yêu cầu bà T trả lại vợ chồng chị 04 chỉ vàng 24kara để chia đôi với anh B. Nhưng nay chị yêu cầu rút lại yêu cầu chia tài sản chung để chị và anh B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị T ly hôn với anh B. Giao một người con chung tên là Phù Trà M (giới tính nữ), sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu của chị Phù Minh T về việc chia tài sản chung là 08 chỉ vàng 24kara.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc chị Phù Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Lê Văn B cư trú tại ấp T, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T đã được triệu tập họp lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B và bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, chị Phù Minh T và anh Lê Văn B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa chị Phù Minh T và anh Lê Văn B là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn anh B vì cho rằng quá trình chung sống giữa chị và anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh B

không tin tưởng chị và sống vô tâm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh B không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho chị Phù Minh T ly hôn với anh Lê Văn B là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có một người tên Phù Trà M (giới tính nữ), sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa Tân khác phù hợp với lợi ích của con*”. Xét thấy, Phù Trà M hiện dưới 36 tháng tuổi và đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không có ý kiến phản đối về việc chị T không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc chị T và anh B cũng không có thỏa Tân nào khác về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, giao Phù Trà M (giới tính nữ), sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là đúng với quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Chị T rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 08 chỉ vàng 24kara. Việc rút yêu cầu của chị T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Chị Phù Minh T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung. Đồng thời, anh Lê Văn B không có ý kiến về vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[6] Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Phù Minh T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phù Minh T ly hôn với anh Lê Văn B.

2. Về con chung, giao chị Phù Minh T trực tiếp nuôi dưỡng Phù Trà M (giới tính nữ), sinh ngày 20 tháng 7 năm 2020. Anh Lê Văn B không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu của chị Phù Minh T về việc chia tài sản chung là 08 chỉ vàng 24kara.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Phù Minh T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 825.000 đồng theo biên lai T số 0012174, ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay đối trừ chị Phù Minh T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 525.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Phù Minh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn B và bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ